

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 15-7-2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký
Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-DS ngày 20/3/2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/QĐST-DS, ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lý Thị Thu O, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lý Thị Thu O: Bùi Minh D, sinh năm: 1986 (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019), có mặt.

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh P, sinh năm 1974, vắng mặt.

Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1975, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lý Thị Thu O, bà Bùi Minh D trình bày:*

Vào ngày 19/11/2017 bà O - Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất Ba S có bán cho ông P, bà N tủ thờ bên 2m giá 33.000.000đ, salong bên tay rông giá là 63.000.000đ. Tổng cộng: 96.000.000đ.

Đến ngày 15/02/2018 bà O bán thêm cho ông P, bà N bàn ăn cam xe bên ghế lớn giá 19.000.000đ, tranh treo trâm bông vàng giá 1.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ.

Đến ngày 15/3/2018 bà O có bán thêm cho ông P, bà N cửa đi hai bên giá 20.492.080đ, phụ khung bao cửa đi hai bên giá 8.160.000đ, cửa đi giá 40.150.180đ, phụ khung bao cửa đi lớn giá 4.905.000đ, cửa phòng giá 50.024.000đ, khóa phòng 2.500.000đ, khóa cửa đi 1.000.000đ. Tổng cộng: 127.231.260đ.

Tổng cộng: 243.231.260đ.

Ngày 19/11/2017 ông P, bà N trả được 5.000.000đ, đến ngày 26/9/2018 ông P, bà N trả được 50.000.000đ, đến ngày 04/02/2019 trả 9.000.000đ, ngày 05/5/2019 trả 10.000.000đ. Tổng cộng ông P và bà N trả được 74.000.000đ, còn lại 169.231.260đ đến nay chưa trả.

Vợ chồng ông P, bà N hứa trong thời gian 01 tháng sẽ thanh toán đủ số tiền nói trên, nhưng đến hạn ông P, bà N không trả đúng như lời hứa.

Nay O yêu cầu ông P và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua đồ trang trí nội thất còn thiếu là 169.231.260đ (làm tròn 169.000.000đ) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 20/3/2019 đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt nhưng theo tờ tường trình trình bày:*

Ông P thừa nhận còn thiếu tiền mua đồ trang trí nội thất của bà O – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng – trang trí nội thất Ba S số tiền gốc là 179.231.260đ

Đến ngày 05/5/2019 đã trả được 10.000.000đ, còn lại 169.231.260đ, đối với tiền lãi xin giảm bớt vì làm ăn khó khăn.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N vắng mặt, không có văn bản trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà O, địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đối với ông P và bà N. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các bị đơn ông P và bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà N là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa hôm nay, bà O yêu cầu ông P và bà N cùng liên đới trả số tiền mua đồ trang trí nội thất còn thiếu là 169.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/3/2019 cho đến ngày xét xử hôm nay (ngày 15/7/2019) với lãi suất là 0,83%/tháng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét thấy bà O yêu cầu ông P và bà N trả số tiền mua đồ trang trí nội thất còn thiếu 169.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể vào ngày 19/11/2017 bà O - Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất Ba S có bán cho ông P, bà N tổng số tiền mua đồ trang trí nội thất là 243.231.260đ. Tổng cộng ông P và bà N trả được 74.000.000đ, còn lại 169.231.260đ (làm tròn 169.000.000đ) đến nay chưa trả là phù hợp với các hóa đơn ngày 19/11/2017, ngày 15/02/2018 và ngày 15/3/2018, giấy xác nhận công nợ ngày 10/8/2018 và tờ tường trình của ông P nên buộc ông P và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho O số tiền gốc là 169.000.000đ là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, ông P xin giảm bớt lãi nhưng bà O không đồng ý và bà O yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/3/2019 là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Cụ thể như sau:

Ngày 20/3/2019 ông P và bà N còn nợ số tiền 179.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20/3/2019 đến ngày 05/5/2019 (01 tháng 15 ngày) với lãi suất 0,83%/tháng là $179.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 2.227.000đ$.

Ngày 05/5/2019 ông P và bà N trả 10.000.000đ, còn nợ số tiền 169.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 06/05/2019 đến ngày 15/7/2019 (2 tháng 09 ngày) với lãi suất 0,83%/tháng là $169.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 3.218.000đ$.

Tổng cộng tiền lãi: $2.227.000đ + 3.218.000đ = 5.445.000đ$

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà O đối với ông P và bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông P và bà N phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà O được chấp nhận là: $174.445.000đ \times 5\% = 8.722.000đ$.

- Bà O không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lý Thị Thu O đối với ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu N.

Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Thị Thu O số tiền mua đồ trang trí nội thất còn thiếu là 169.000.000đ và tiền lãi là 5.445.000đ. Tổng cộng: 174.445.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu N phải liên đới nộp 8.722.000đ (Tám triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lý Thị Thu O không phải nộp tiền án phí, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.720.000đ (Năm triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2017/0005546 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường